

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4034/UBND-CN XD

Quảng Ngãi, ngày 06 tháng 7 năm 2017

V/v bổ sung một số hạng mục thuộc Tiểu dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phục vụ Dự án Nâng cấp, mở rộng NMLD Dung Quất

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
CV	Số:.....6.0211.....
ĐẾN	Ngày: 06/07/2017
	Chuyên:.....



Kính gửi: Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

Ngày 22/5/2017, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã có Công văn số 3040/UBND-CN XD gửi Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc bổ sung một số hạng mục thuộc Tiểu dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phục vụ Dự án Nâng cấp, mở rộng NMLD Dung Quất (sau đây gọi tắt là Tiểu dự án). Theo ý kiến của các Ban thuộc Tập đoàn dầu khí Việt Nam tại buổi làm việc với Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi tổ chức vào ngày 20/6/2017 và qua khảo sát thực tế hiện trường tại các hạng mục, công trình Tiểu Dự án do Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi chủ trì vào ngày 04/7/2017 (có sự tham gia của các sở, ngành, địa phương thuộc tỉnh có liên quan, Ban Quản lý dự án Nâng cấp, mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất và Công ty TNHH MTV Lọc Hóa dầu Bình Sơn), UBND tỉnh Quảng Ngãi xét thấy cần thiết phải tiếp tục kiến nghị, đề xuất Tập đoàn Dầu khí Việt Nam một số nội dung cụ thể như sau:

**1. Các hạng mục đề nghị bổ sung vào Tiểu dự án, bao gồm:**

- Kéo dài Tuyến đường dân sinh vị trí 3 thuộc các hạng mục di dời hoàn trả hạ tầng phục vụ dân sinh thêm 100m.
- Tuyến đường dân sinh vị trí 4 thuộc các hạng mục di dời hoàn trả hạ tầng phục vụ dân sinh.
- Mương thoát lũ song song và nằm ngoài vị trí san nền vị trí số 4 nâng cấp mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất.
- Mương thoát nước dọc kết hợp kè mái taluy Khu dân cư Tây Bắc Vạn Tường giai đoạn 3 diện tích 19,35 ha.

**2. Nguyên nhân và quy mô bổ sung các hạng mục:**

a) Kéo dài Tuyến đường dân sinh vị trí 3 thuộc các hạng mục di dời hoàn trả hạ tầng phục vụ dân sinh thêm 100m:

Kéo dài thêm Tuyến đường dân sinh vị trí 3 khoảng 100m so với thiết kế cơ sở đã duyệt, nhằm đáp ứng nhu cầu phục vụ giao thông được thông suốt (trường hợp thực hiện theo thiết kế ban đầu đã duyệt và kết hợp với tận dụng đường dân sinh hiện hữu thì mặt đường dân sinh hiện hữu không đủ độ rộng tối thiểu để phục vụ giao thông, nếu mở rộng mặt đường dân sinh hiện hữu để

đáp ứng nhu cầu về giao thông thì phải thực hiện tái định cư cho 10 hộ dân – rất tốn kém).

Chi phí xây dựng tăng thêm khoảng **0,5 tỷ đồng**.

*b) Tuyến đường dân sinh vị trí 4 thuộc các hạng mục di dời hoàn trả hạ tầng phục vụ dân sinh:*

- Phục vụ cho khoảng 60 hộ dân trong vùng do việc mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất tại vị trí số 4 đã lấn chiếm đường dân sinh hiện hữu phục vụ giao thông đi lại cho 60 hộ dân này và các phương tiện giao thông khác.

- Vị trí Tuyến đường dân sinh Vị trí 4 (vị trí nâng cấp mở rộng NMLD Dung Quất) nằm ngoài và song song giáp ranh với hành lang an toàn nhà máy lọc dầu (dự kiến quy mô nền đường rộng 5,2m).

- Tổng kinh phí đầu tư xây dựng hạng mục: khoảng **2,7 tỷ đồng**.

*c) Mương thoát nước dọc kết hợp kè mái taluy Khu dân cư Tây Bắc Vạn Tường giai đoạn 3 diện tích 19,35 ha:*

- Hạng mục Mương thoát nước dọc nhằm mục đích thu gom nước mưa, nước thải và thoát lũ cho công trình Khu dân cư Tây Bắc Vạn Tường GD3 diện tích 35,5 ha. Tuy nhiên, trong giai đoạn này, Khu dân cư Tây Bắc Vạn Tường GD3 chỉ được đầu tư với diện tích 19,35 ha và thuộc Tiểu dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phục vụ Dự án Nâng cấp, mở rộng NMLD Dung Quất. Trong quá trình lập Tiểu dự án đã thiếu sót chưa cập nhật diện tích và quy mô hạng mục Mương thoát nước dọc, kè mái taluy và cống thoát lũ vào công trình Khu dân cư Tây Bắc Vạn Tường GD3. Nếu thực hiện theo đúng phạm vi ranh giới Khu dân cư với diện tích 19,35 ha theo quyết định phê duyệt của Tập đoàn dầu khí Việt Nam thì sẽ không thể thi công phần mái taluy Khu dân cư kè cả mương thoát nước dọc, điều này sẽ làm sạt lở Khu dân cư cũng như không có hệ thống thu gom nước mưa và nước thải cho Khu dân cư này.

- Quy mô hạng mục Mương thoát nước dọc kết hợp kè mái taluy Khu dân cư Tây Bắc Vạn Tường giai đoạn 3:

+ Mương thoát nước dọc: Chiều dài khoảng 1280m dọc theo taluy Khu dân cư. Gia cố mái mương áp sát chân taluy san nền Khu dân cư bằng đá xây, có 07 cầu thô sơ qua mương để phục vụ đi lại và 07 bậc cấp lên xuống mương.

+ Kè mái taluy: Đào, đắp đất taluy Khu dân cư, gia cố mái taluy bằng đá xây.

+ Cống thoát lũ: Diện tích thoát lũ là  $3 \times b \times h = 3 \times 3,5 \times 2,5$ m. Kích thước cống với chiều rộng 11,62m x 9,8m.

Tổng diện tích đất sử dụng của hạng mục khoảng 1,4 ha.

- Tổng kinh phí đầu tư xây dựng hạng mục: khoảng **8,2 tỷ đồng**.

*d) Mương thoát lũ song song và nằm ngoài vị trí san nền vị trí số 4 nâng cấp mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất:*

- Khu san lấp nền vị trí số 4 nằm ở phía Nam tiếp giáp với Nhà máy lọc dầu hiện hữu, có địa hình tự nhiên tạo thành đường tự thủy có dòng chảy theo hướng từ khu dân cư Giếng Hố vào vùng này và chuyển về xiphong Kênh B7 công trình thủy lợi Thạch Nham và đổ về suối tự nhiên. Khi lấp san nền thì sẽ cản trở dòng chảy tự nhiên, từ đó sẽ gây úng ngập ảnh hưởng đến diện tích đất sản xuất nông nghiệp và khu dân cư Giếng Hố, xã Bình Trị.

- Vị trí: Mương thoát lũ áp sát và nằm ngoài Tuyến đường dân sinh số 4.

- Quy mô: Chiều dài mương khoảng 1.325, đáy mương rộng 3m, mái taluy m=1,5 và một số cầu thô sơ qua mương để phục vụ sản xuất.

- Tổng kinh phí đầu tư xây dựng hạng mục: khoảng **8,4 tỷ đồng**.

**3. Cập nhật Tổng mức đầu tư Tiểu dự án và đề xuất sử dụng nguồn vốn cho các hạng mục bổ sung:**

a) Tổng mức đầu tư sau cập nhật:

STT	Tên Hạng mục	Cách tính	Tổng mức đầu tư		Chênh lệch (+: tăng; -: giảm)
			Tổng mức đầu tư đã duyệt theo QĐ 9195/QĐ-DKVN ngày 30/12/2015	Chi phí thực hiện (cập nhật theo hợp đồng/QĐ phê duyệt đến ngày 30/6/2017)	
1	Hạng mục Bồi thường, hỗ trợ GPMB (108,2 ha)	xem bảng tính chi tiết (Bảng 4)	373.897.337.000	351.462.830.295	-22.434.506.705
2	Hạng mục Khu dân cư Tây Bắc Vạn Tường GD3	xem bảng tính chi tiết (Bảng 2)	212.108.893.152	195.290.345.982	-16.818.547.170
3	Hạng mục Nghĩa địa Bình Trị mở rộng GD2	xem bảng tính chi tiết (Bảng 3)	13.542.771.000	13.480.264.000	-62.507.000
4	Hạng mục chung: (Lập, Thẩm tra Tiểu dự án, Trích sao, chỉnh lý bản đồ địa chính, cắm mốc GPMB 108 ha, thẩm định Tiểu dự án)	xem bảng tính chi tiết (Bảng 1)	1.728.939.190	1.728.939.190	0
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>601.277.940.000</b>	<b>561.962.379.467</b>	<b>-39.315.560.875</b>

b) Nguồn vốn sử dụng cho các hạng mục bổ sung:

- Hạng mục Mương thoát nước dọc kết hợp kè mái taluy Khu dân cư Tây Bắc Vạn Tường giai đoạn 3 diện tích 19,35 ha với kinh phí bổ sung khoảng **8,2 tỷ**: Đề nghị sử dụng trong phần chi phí còn lại chưa sử dụng của hạng mục Khu dân cư Tây Bắc Vạn Tường GD3 diện tích 19,35 ha (phần chi phí giảm so với

*Tổng mức đầu tư đã duyệt khoảng 16,818 tỷ đã nêu ở bảng trên): 8,2 tỷ < 16,8 tỷ.*

- Các hạng mục: Kéo dài Tuyến đường dân sinh vị trí 3, Tuyến đường dân sinh vị trí 4 và Mương thoát lũ song song và nằm ngoài vị trí san nền vị trí số 4 với tổng kinh phí bổ sung khoảng **11,6 tỷ** thuộc hạng mục Bồi thường hỗ trợ GPMB 108,2 ha: Đề nghị sử dụng trong phần chi phí còn lại chưa sử dụng của hạng mục Bồi thường hỗ trợ GPMB 108,2 ha (*phần chi phí giảm so với Tổng mức đầu tư đã duyệt khoảng 22,434 tỷ đã nêu ở bảng trên): 11,6 tỷ < 22,434 tỷ.*

Chi phí còn lại chưa sử dụng của hạng mục Bồi thường hỗ trợ GPMB 108,2 ha sau khi đã bổ sung các hạng mục nêu trên là:  $22,434 - 11,6 = 10,834$  tỷ.

- *Hiện nay, Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi đang trình thẩm định, phê duyệt các chi phí phát dọn mặt bằng bổ sung vị trí 1 và 2 (theo ý kiến của Ban Quản lý dự án NCMR NMLD Dung Quất) và các Phương án bồi thường phát sinh/bổ sung của vị trí số 3 và vị trí số 4 với tổng kinh phí khoảng 8,239 tỷ. Kinh phí này được lấy trong chi phí còn lại chưa sử dụng của hạng mục Bồi thường hỗ trợ GPMB 108,2 ha (còn lại khoảng 10,834 tỷ như đã nêu trên:  $8,239 < 10,834$  tỷ).*

Như vậy, Tổng chi phí còn lại chưa sử dụng của Tiểu dự án là:  $39,315 - 8,2 - 11,6 - 8,239 = 11,275$  tỷ.

*(Chi tiết cụ thể xem bảng Tổng mức đầu tư đã cập nhật kèm theo)*

**Sau khi Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thống nhất chủ trương bổ sung, UBND tỉnh Quảng Ngãi cam kết sẽ chỉ đạo Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi thực hiện đầu tư các hạng mục bổ sung đảm bảo không vượt Tổng mức đầu tư của Tiểu dự án đã duyệt.**

**4. Một số nội dung khác theo yêu cầu của các Ban thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại cuộc họp ngày 20/6/2017:**

a) Về hiệu quả về kinh tế - xã hội khi bổ sung các hạng mục:

\* Đối với hạng mục Mương thoát nước dọc kết hợp kè mái taluy Khu dân cư Tây Bắc Vạn Tường giai đoạn 3:

- Chi phí đầu tư thấp hơn so với thiết kế đã duyệt khoảng 6,8 tỷ (nếu đầu tư theo thiết kế ban đầu thì chi phí đầu tư khoảng 15 tỷ). Môi trường sống tại khu dân cư và vùng lân cận sẽ tốt hơn bởi lý do: công trình đảm bảo an toàn, không bị úng ngập vào mùa mưa lũ dẫn đến không gây thiệt hại về tài sản...

- Trường hợp không đầu tư hạng mục này thì người dân sẽ quan ngại không mặn mà chậm xây dựng nhà ở tại Khu tái định cư, dẫn đến việc chậm bàn giao mặt bằng thuộc phạm vi Nâng cấp mở rộng NMLD Dung Quất diện tích 108,2 ha.

\* Hạng mục Tuyến đường dân sinh vị trí 4 thuộc các hạng mục di dời hoàn trả hạ tầng phục vụ dân sinh:

Trường hợp không đầu tư hạng mục này thì khoảng 60 hộ dân trong vùng do việc mở rộng NMLD Dung Quất tại vị trí 4 sẽ không có đường giao thông để kết nối hệ thống giao thông khu vực. Khi đó sẽ ảnh hưởng đến việc phục vụ sản xuất và đời sống của người dân; đồng thời các hộ dân có thể cản trở việc san nền tại vị trí số 4 dự án Nâng cấp mở rộng NMLD Dung Quất làm ảnh hưởng đến tiến độ triển khai của dự án Nâng cấp mở rộng NMLD Dung Quất.

\* Hạng mục Mương thoát lũ song song và nằm ngoài vị trí san nền vị trí số 4 nâng cấp mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất:

Trường hợp không đầu tư hạng mục này thì khi san nền vị trí 4 dự án Nâng cấp mở rộng NMLD Dung Quất sẽ làm lấp dòng chảy tự nhiên (đường tự thủy) dẫn đến: gây úng ngập diện tích đất sản xuất nông nghiệp và khu dân cư Giếng Hố, xã Bình Trị thì người dân bị ảnh hưởng sẽ cản trở việc thi công san nền vị trí số 4 dự án Nâng cấp mở rộng NMLD Dung Quất làm ảnh hưởng đến tiến độ triển khai của dự án Nâng cấp mở rộng NMLD Dung Quất.

\* Kéo dài Tuyến đường dân sinh vị trí 3 thuộc các hạng mục di dời hoàn trả hạ tầng phục vụ dân sinh thêm 100m:

Kéo dài thêm Tuyến đường dân sinh vị trí 3 khoảng 100m so với thiết kế cơ sở đã duyệt, nhằm đáp ứng nhu cầu phục vụ giao thông được thông suốt (trường hợp thực hiện theo thiết kế ban đầu đã duyệt và kết hợp với tận dụng đường dân sinh hiện hữu thì mặt đường dân sinh hiện hữu không đủ độ rộng tối thiểu để phục vụ giao thông, nếu mở rộng mặt đường dân sinh hiện hữu để đáp ứng nhu cầu về giao thông thì phải thực hiện tái định cư cho 10 hộ dân là rất tốn kém).

Từ các nội dung nêu trên, *việc bổ sung các hạng mục nêu trên vào Tiểu dự án là phù hợp với quy định về quản lý đầu tư xây dựng quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 61 Luật Xây dựng năm 2014* do ngăn chặn được yếu tố bất lợi nhằm mang lại hiệu quả cao hơn cho dự án. Việc điều chỉnh dự án khi bổ sung các hạng mục này đáp ứng nhu cầu tốt hơn về an sinh, xã hội, giảm kinh phí đầu tư, góp phần đẩy nhanh tiến độ bàn giao mặt bằng dự án Nâng cấp mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất.

b) Về ý kiến của các sở, ngành, địa phương thuộc tỉnh Quảng Ngãi đối với việc điều chỉnh bổ sung các hạng mục trên: Tại các đợt kiểm tra hiện trường do lãnh đạo UBND tỉnh chủ trì, các sở, ngành chức năng và địa phương liên quan đều có mặt tham gia và có ý kiến thống nhất cao. Khi thiết kế các hạng mục này, đơn vị tư vấn sẽ thiết kế đảm bảo tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

c) Về tiến độ được phê duyệt, tiến độ dự kiến hoàn thành đã được đề cập tại bảng tiến độ các hạng mục thành phần (Bảng 6):

Tiến độ được lập là tiến độ triển khai thi công các hạng mục bổ sung/phát sinh. UBND tỉnh Quảng Ngãi có trách nhiệm sẽ chỉ đạo Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi tổ chức thực hiện đầu tư 04 hạng mục bổ sung/phát sinh đảm bảo đúng tiến độ đề ra, góp phần ổn định

cuộc sống, an sinh xã hội cho người dân vùng ảnh hưởng cũng như tại khu tái định cư và cam kết không làm ảnh hưởng đến tiến độ hoàn thành Tiểu dự án đã được Tập đoàn phê duyệt cũng như tiến độ bàn giao mặt bằng sạch cho dự án Nâng cấp, mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất.

d) Các hạng mục đề nghị bổ sung thuộc Tiểu dự án vì có liên quan trực tiếp đến việc tái định cư, phục vụ dân sinh để bàn giao mặt bằng cho dự án nâng cấp mở rộng NMLD Dung Quất.

e) Về Mương thoát lũ song song và nằm ngoài vị trí san nền vị trí số 4 nâng cấp mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất: Theo đề nghị của các Ban thuộc Tập đoàn dầu khí Việt Nam và Ban Quản lý dự án NCMR NMLD Dung Quất: *“Chỉ cần UBND tỉnh Quảng Ngãi hoặc Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi có văn bản gửi cơ quan thẩm định báo cáo ĐTM dự án Nâng cấp mở rộng NMLD Dung Quất, nêu nguyên nhân và đề nghị phát sinh trong báo cáo ĐTM, làm cơ sở xem xét đưa vào nguồn vốn và đầu tư giai đoạn triển khai thi công dự án Nâng cấp mở rộng NMLD Dung Quất, chỉ đánh giá, không dùng nguồn vốn của Tiểu dự án”*.

Nếu không đầu tư hạng mục Mương thoát lũ trước mùa mưa lũ năm 2017 thì vào mùa mưa lũ năm 2017, lũ có thể phá vỡ một số đoạn của tuyến đường dân sinh vị trí 4 đã đầu tư, từ đó ảnh hưởng đến giao thông, thiếu kinh phí sửa chữa khắc phục.

UBND tỉnh Quảng Ngãi tiếp tục có một số ý kiến và kiến nghị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nêu trên, với mục tiêu nhằm đáp ứng yêu cầu bàn giao mặt bằng sạch để đầu tư Nâng cấp mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất Dung Quất, sớm tái định cư cho các hộ dân bị ảnh hưởng trong vùng dự án và hoàn trả các công trình hạ tầng phục vụ dân sinh để phục vụ sản xuất và đời sống của nhân dân./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- BQL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi;
- Các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và PTNT;
- UBND huyện Bình Sơn;
- Công ty TNHH MTV Lọc Hóa dầu Bình Sơn;
- Ban Quản lý Dự án Vâng cấp, mở rộng NMLD Dung Quất;
- VPUB: CVP, TH, CBTH;
- Lưu: VT, CN (Inphong344)

**CHỦ TỊCH**



**Trần Ngọc Căng**

# BẢNG TỔNG MỨC ĐẦU TƯ



## TIÊU DỰ ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ DỰ ÁN NÂNG CẤP MỞ RỘNG NHÀ MÁY LỌC DẦU DUNG QUẤT

Quyết định số 4034/UBND-CNXD ngày 08/7/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi

STT	Nội dung chi phí	Cách tính	GIÁ TRỊ THEO DỰ TOÁN ĐÃ DUYỆT (THEO QĐ 9195/QĐ-DKVN)	GIÁ TRỊ THEO DỰ TOÁN ĐÃ DUYỆT	CHI PHÍ THỰC HIỆN (cập nhật theo hợp đồng/QĐ phê duyệt đến ngày 30/6/2017)	CHI PHÍ CÁC HẠNG MỤC BỔ SUNG	NGUYÊN NHÂN XIN BỔ SUNG	TỔNG CỘNG CHI PHÍ THỰC HIỆN (KỂ CẢ CÁC HẠNG MỤC XIN BỔ SUNG)	CHÉNH LỆCH TĂNG (+) GIẢM (-) SO VỚI TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	CHÉNH LỆCH TĂNG (+) GIẢM (-) SO VỚI DỰ TOÁN ĐÃ DUYỆT	TIẾN ĐỘ
			a	b	c	d		e=c+d	g=e-a	h=e-b	
	<b>CÁC HẠNG MỤC THEO QĐ 9195/QĐ-DKVN)</b>		601.277.940.050	574.372.692.896	561.962.379.770						
<b>I</b>	<b>CHI PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, GPMB</b>		422.676.832.773	408.350.268.108	399.975.728.974	19.839.880.134		419.815.609.108	-2.861.223.665	11.465.341.000	
1	Chi phí bồi thường, hỗ trợ, GPMB (04 vị trí) 108,2ha	(theo bảng 4)	373.897.337.000	359.837.369.429	351.462.830.295						
2	Các hạng mục bổ sung		0	0	0	19.839.880.134					
	Kéo dài Tuyến đường dân sinh vị trí 3 khoảng 100m					500.000.000	Kéo dài thêm Tuyến đường dân sinh vị trí 3 khoảng 100m so với thiết kế cơ sở đã duyệt, nhằm đáp ứng nhu cầu phục vụ giao thông được thông suốt (trường hợp thực hiện theo thiết kế ban đầu đã duyệt và kết hợp với tận dụng đường dân sinh hiện hữu thì mặt đường dân sinh hiện hữu không đủ độ rộng tối thiểu để phục vụ giao thông, nếu mở rộng mặt đường dân sinh hiện hữu để đáp ứng nhu cầu về giao thông thì phải thực hiện tái định cư cho 10 hộ dân - rất tốn kém)				Dự kiến hoàn thành trong tháng 7/2017
	Tuyến đường dân sinh vị trí 4 thuộc các hạng mục di dời hoàn trả hạ tầng	(theo bảng 5)				2.700.000.000	Phục vụ cho khoảng 60 hộ dân trong vùng do việc mở rộng NMLD Dung Quất tại vị trí 4 đã lấn chiếm đường dân sinh hiện hữu phục vụ giao thông đi lại cho 60 hộ dân này và các phương tiện giao thông khác				Dự kiến hoàn thành trong Quý III/2017
	Mương thoát lũ song song và nằm ngoài vị trí san nền vị trí số 4 nâng cấp mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất					8.400.000.000	Khu san nền NMLD vị trí số 4 nằm ở phía Nam tiếp giáp với Nhà máy lọc dầu hiện hữu, có địa hình tự nhiên tạo thành đường tự thủy có dòng chảy theo hướng từ khu dân cư Giếng Hồ vào vùng này và chuyển về xấp xỉ Kênh B7. Khi lấp san nền thì sẽ cản trở dòng chảy tự nhiên, từ đó sẽ gây ứng ngập ảnh hưởng đến diện tích đất sản xuất nông nghiệp và khu dân cư Giếng Hồ				Dự kiến hoàn thành trong Quý IV/2017
	Bổ sung chi phí phát dọn mặt bằng Vị trí 1					59.699.525					
	Bổ sung chi phí phát dọn mặt bằng Vị trí 2					289.338.485					
	Bổ sung chi phí bồi thường (đợt 2 - Vị trí 3)	(theo bảng 4)				7.696.147.404	Tính thiếu trong quá trình khảo sát, lập phương án bồi thường - GPMB				

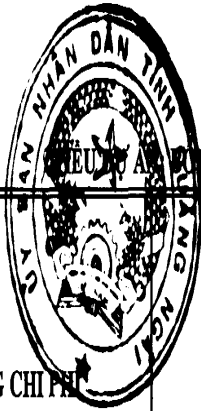
STT	Nội dung chi phí	Cách tính	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐÃ DUYỆT (THEO QĐ 9195/QĐ-ĐKVN)	GIÁ TRỊ THEO DỰ TOÁN ĐÃ DUYỆT	CHI PHÍ THỰC HIỆN (cập nhật theo hợp đồng/QĐ phê duyệt đến ngày 30/6/2017)	CHI PHÍ CÁC HẠNG MỤC BỔ SUNG	NGUYÊN NHÂN XIN BỔ SUNG	TỔNG CỘNG CHI PHÍ THỰC HIỆN (KỂ CẢ CÁC HẠNG MỤC XIN BỔ SUNG)	CHÉNH LỆCH TĂNG (+) GIẢM (-) SO VỚI TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	CHÉNH LỆCH TĂNG (+) GIẢM (-) SO VỚI DỰ TOÁN ĐÃ DUYỆT	TIẾN ĐỘ
	Bổ sung chi phí bồi thường (bổ sung vị trí 4)					194.694.720					
2	Chi phí bồi thường, hỗ trợ GPMB khu Tái định cư (bao gồm cả nghĩa địa)	(theo bảng 2 và bảng 3)	48.779.495.773	48.512.898.679	48.512.898.679						
<b>II</b>	<b>CHI PHÍ XÂY DỰNG</b>		<b>133.745.924.597</b>	<b>134.008.229.128</b>	<b>129.803.397.099</b>	<b>8.200.000.000</b>		<b>138.003.397.099</b>	<b>4.257.472.502</b>	<b>-3.995.167.971</b>	
1	Hạng mục thành phần: Khu dân cư Tây Bắc Vạn Tường giai đoạn 3	(theo bảng 2)	127.258.462.442	127.008.738.128	122.810.044.099						
2	Các hạng mục bổ sung		0	0	0	8.200.000.000					
	Mương thoát nước dọc kết hợp kê mái (tại Khu dân cư Tây Bắc Vạn Tường giai đoạn 3 diện tích 19,35 ha)	(theo bảng 5)				8.200.000.000	Trong quá trình lập Tiểu dự án, đã thiếu sót chưa cập nhật diện tích và quy mô hạng mục Mương thoát nước dọc này cũng như diện tích phải bồi thường - GPMB vào công trình Khu dân cư Tây Bắc Vạn Tường GĐ3. Nếu thực hiện theo thiết kế BVTC đã duyệt thì phải bồi thường bổ sung khoảng 5 ha và bồi thường cho 11 ngôi nhà với tổng kinh phí khoảng 15 tỷ đồng				Dự kiến hoàn thành trong Quý III/2017
3	Hạng mục thành phần: Nghĩa địa Bình Trị mở rộng giai đoạn 2	(theo bảng 3)	6.487.462.154	6.999.491.000	6.993.353.000						
<b>III</b>	<b>CHI PHÍ THIẾT BỊ</b>		<b>4.500.000.000</b>	<b>4.332.274.846</b>	<b>4.933.988.560</b>			<b>4.933.988.560</b>	<b>433.988.560</b>	<b>601.713.714</b>	
	Chi phí trang thiết bị cho các hạng mục công trình hạ tầng xã hội (bao gồm mua sắm trang thiết bị; thẩm định giá trang thiết bị; giám sát lắp đặt trang thiết bị - tạm tính)	(theo bảng 2)	4.500.000.000	4.332.274.846	4.933.988.560						
<b>IV</b>	<b>CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN</b>		<b>1.820.414.136</b>	<b>1.693.111.607</b>	<b>1.693.111.607</b>			<b>1.693.111.607</b>	<b>-127.302.529</b>	<b>0</b>	
	Hạng mục thành phần: Khu dân cư Tây Bắc Vạn Tường giai đoạn 3	(theo bảng 2)	1.682.555.565	1.554.723.326	1.554.723.326						
	Hạng mục thành phần: Nghĩa địa Bình Trị mở rộng giai đoạn 2	(theo bảng 3)	137.858.571	138.388.281	138.388.281						
<b>V</b>	<b>CHI PHÍ TƯ VẤN</b>		<b>10.131.890.941</b>	<b>8.102.562.041</b>	<b>7.939.984.478</b>			<b>7.939.984.478</b>	<b>-2.191.906.463</b>	<b>-162.577.563</b>	
1	Chi phí lập Tiểu dự án		407.862.077	407.862.077	407.862.077						
2	Chi phí thẩm tra Tiểu dự án	theo hồ sơ nghiệm thu	458.134.000	458.134.000	458.134.000						
3	Chi phí tư vấn dự án tái định cư và nghĩa địa	(theo bảng 2 và bảng 3)	8.463.474.007	6.434.145.107	6.271.567.544						
4	Chi phí trích sao, chỉnh lý bản đồ địa chính, cắm mốc GPMB	theo TMDT đã duyệt	802.420.857	802.420.857	802.420.857						
<b>VI</b>	<b>CHI PHÍ KHÁC</b>		<b>3.945.673.883</b>	<b>5.315.563.636</b>	<b>5.045.485.523</b>			<b>5.045.485.523</b>	<b>1.099.811.640</b>	<b>-270.078.113</b>	
1	Lệ phí thẩm định tiêu dự án (TT109/TT-BTC)		60.522.256	60.522.256	60.522.256						
2	Chi phí khác của dự án tái định cư và nghĩa địa	(theo bảng 2 và bảng 3)	3.885.151.627	5.255.041.380	4.984.963.267						



STT	Nội dung chi phí	Cách tính	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐÃ DUYỆT (THEO QĐ 9195/QĐ-DKVN)	GIÁ TRỊ THEO DỰ TOÁN ĐÃ DUYỆT	CHI PHÍ THỰC HIỆN (cập nhật theo hợp đồng/QĐ phê duyệt đến ngày 30/6/2017)	CHI PHÍ CÁC HẠNG MỤC BỔ SUNG	NGUYÊN NHÂN XIN BỔ SUNG	TỔNG CỘNG CHI PHÍ THỰC HIỆN (KỂ CẢ CÁC HẠNG MỤC XIN BỔ SUNG)	CHÉNH LỆCH TĂNG (+) GIẢM (-) SO VỚI TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	CHÉNH LỆCH TĂNG (+) GIẢM (-) SO VỚI DỰ TOÁN ĐÃ DUYỆT	TIẾN ĐỘ
VII	CHI PHÍ DỰ PHÒNG TÁI ĐỊNH CƯ VÀ NGHĨA ĐÌA		24.457.203.721	12.570.683.529	12.570.683.529			12.570.683.529	-11.886.520.192	0	
1	Chi phí dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	(theo bảng 2 và bảng 3)	15.241.496.437	7.241.268.680	7.241.268.680						
2	Chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá	(theo bảng 2 và bảng 3)	9.215.707.284	5.329.414.849	5.329.414.849						
	<b>TỔNG CỘNG (làm tròn)</b>	<b>(I) + ... + (VII)</b>	<b>601.277.940.050</b>	<b>574.372.692.896</b>	<b>561.962.379.770</b>	<b>28.039.880.134</b>		<b>590.002.259.904</b>	<b>-11.275.680.147</b>	<b>15.629.567.009</b>	
	<b>TỔNG CỘNG CHI PHÍ (KỂ CẢ CÁC HẠNG MỤC BỔ SUNG)</b>	<b>A1 + B1</b>	<b>601.277.940.050</b>	<b>574.372.692.896</b>	<b>561.962.379.770</b>			<b>590.002.259.904</b>	<b>-11.275.680.147</b>	<b>15.629.567.009</b>	

**Ghi chú:**

Tiến độ thực hiện các hạng mục bổ sung không ảnh hưởng đến tiến độ bàn giao mặt bằng 108,2 ha và mặt bằng tái định cư Khu dân cư Tây bắc Vạn Tường giai đoạn 3 do các hạng mục này là độc lập với các hạng mục thành phần mà PVN đã phê duyệt



## BẢNG TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

HẠNG MỤC: KHU DÂN CƯ TÂY BẮC VẠN TƯỜNG GIAI ĐOẠN 3 (19,35 HA)

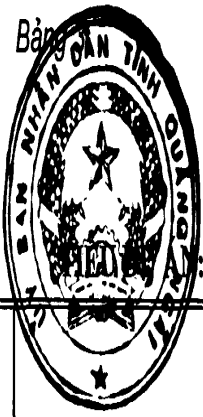
THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ PHỤC VỤ DỰ ÁN NÂNG CẤP MỞ RỘNG NMLD DUNG QUÁT

TT	NỘI DUNG CHI PHÍ	DIỄN GIẢI	GIÁ TRỊ TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐÃ DUYỆT (THEO QĐ 9195/QĐ-DKVN)	GIÁ TRỊ THEO DỰ TOÁN ĐÃ DUYỆT	CHI PHÍ THỰC HIỆN (cập nhật theo hợp đồng/QĐ phê duyệt đến ngày 30/6/2017)	CHÊNH LỆCH TĂNG (+) GIẢM (-) SO VỚI TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	CHÊNH LỆCH TĂNG (+) GIẢM (-) SO VỚI DỰ TOÁN ĐÃ DUYỆT	GHI CHÚ
			a	b	c	d=c-a	e=c-b	
<b>A</b>	<b>CHI PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GPMB</b>		<b>43.925.836.578</b>	<b>43.637.166.599</b>	<b>43.637.166.599</b>	<b>-288.669.979</b>	<b>0</b>	
I	Chi phí bồi thường, hỗ trợ, GPMB Khu dân cư Tây Bắc Vạn Tường GD3		43.925.836.578	43.637.166.599	43.637.166.599	-288.669.979	0	Đã cơ bản hoàn thành, còn vướng 1,4 ha ruộng thoát nước và mái taluy đang đề nghị bổ sung
a	Bồi thường hỗ trợ trực tiếp	Các QĐ số 2209 ngày 14/8/15, số 2814 ngày 30/10/15, số 299 ngày 26/2/16 của UBND huyện Bình Sơn	40.638.546.689	40.317.176.148	40.317.176.148			
b	Chi phí phục vụ bồi thường thẩm định		1.210.045.358	1.222.082.374	1.222.082.374			
c	Chi phí dự phòng		2.077.244.531	2.097.908.077	2.097.908.077			
<b>B</b>	<b>CHI PHÍ XÂY DỰNG</b>	Xd1	<b>127.258.462.442</b>	<b>127.008.738.128</b>	<b>122.810.044.099</b>	<b>-4.448.418.343</b>	<b>-4.198.694.029</b>	
I	Hạng mục Khu dân cư Tây Bắc Vạn Tường GD3	(theo hợp đồng số 14/2016/HĐXD ngày 19/10/2016)	127.258.462.442	127.008.738.128	122.810.044.099	-4.448.418.343	-4.198.694.029	Kinh phí thực hiện lấy theo hợp đồng đã ký (đã trừ kinh phí không xây dựng ruộng thoát nước là 3,577 tỷ đồng và chi phí trang thiết bị)
1	Công trình giao thông		44.910.547.894					
2	Công trình hạ tầng kỹ thuật		60.370.783.370					
3	Công trình hạ tầng xã hội		21.977.131.178					

TT	NỘI DUNG CHI PHÍ	DIỄN GIẢI	GIÁ TRỊ TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐÃ DUYỆT (THEO QĐ 9195/QĐ-DKVN)	GIÁ TRỊ THEO DỰ TOÁN ĐÃ DUYỆT	CHI PHÍ THỰC HIỆN (cập nhật theo hợp đồng/QĐ phê duyệt đến ngày 30/6/2017)	CHÊNH LỆCH TĂNG (+) GIẢM (-) SO VỚI TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	CHÊNH LỆCH TĂNG (+) GIẢM (-) SO VỚI DỰ TOÁN ĐÃ DUYỆT	GHI CHÚ
			a	b	c	d=c-a	e=c-b	
	Mương thoát nước dọc	(theo Quyết định số 244/QĐ-BQL ngày 02/8/2016 của DEZA	0	3.415.581.000	3.577.000.000	3.577.000.000	161.419.000	không thi công
<b>C</b>	<b>CHI PHÍ TRANG THIẾT BỊ</b>		<b>4.500.000.000</b>	<b>4.332.274.846</b>	<b>4.933.988.560</b>	<b>433.988.560</b>	<b>601.713.714</b>	
I	Hạng mục Khu dân cư Tây Bắc Vạn Tường GD3	(theo hợp đồng số 14/2016/HĐXD ngày 19/10/2016)	4.500.000.000	4.332.274.846	4.933.988.560	433.988.560	601.713.714	đang thực hiện
<b>D</b>	<b>CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN</b>		<b>1.682.555.565</b>	<b>1.554.723.326</b>	<b>1.554.723.326</b>	<b>-127.832.239</b>	<b>0</b>	
	Chi phí quản lý dự án	(theo Quyết định số 244/QĐ-BQL ngày 02/8/2016 của DEZA	1.682.555.565	1.554.723.326	1.554.723.326	-127.832.239	0	hoàn thành trong năm 2017
1	Hạng mục Khu dân cư Tây Bắc Vạn Tường GD3		1.682.555.565	1.554.723.326	1.554.723.326			
<b>E</b>	<b>CHI PHÍ TƯ VẤN</b>	TV1 + TV2 +TV3	<b>8.036.220.038</b>	<b>6.295.756.826</b>	<b>5.910.206.135</b>	<b>-2.126.013.903</b>	<b>-385.550.691</b>	
	<i>Phần do BQL các DADT tổ chức thực hiện</i>		<i>1.483.754.426</i>	<i>1.483.754.426</i>	<i>1.483.754.426</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	
1	Khảo sát địa chất phục vụ lập dự án đầu	theo Quyết định số 9195/QĐ-DKVN ngày 30/12/2015 của Tập đoàn dầu khí Việt Nam	85.899.335	85.899.335	85.899.335			
2	Khảo sát địa hình phục vụ quy hoạch		333.187.314	333.187.314	333.187.314			
3	QH chi tiết TL1/500 khu dân cư TBVT(g		593.384.000	593.384.000	593.384.000			
4	Thẩm định QH chi tiết TL1/500 khu dân		28.113.341	28.113.341	28.113.341			
5	Lập dự án đầu tư		443.170.436	443.170.436	443.170.436			
	<i>Phần do BQL Phát triển đô thị Vạn Tường tổ chức thực hiện</i>		<i>6.552.465.612</i>	<i>4.812.002.400</i>	<i>4.426.451.709</i>	<i>-2.126.013.903</i>	<i>-385.550.691</i>	
6	Lập NVQH điều chỉnh QH chi tiết	theo Quyết định số 9195/QĐ-DKVN ngày 30/12/2015 của Tập đoàn dầu khí Việt Nam	35.343.560	35.343.560	35.343.560			Đã thực hiện hoàn thành (trừ phần giám sát
7	Lập Quy hoạch CT điều chỉnh t1/500		314.207.752	314.207.752	314.207.752			
8	Thẩm định QH điều chỉnh TL1/500		31.534.278	31.534.278	31.534.278			
9	Chi phí quản lý nghiệp vụ lập QH		27.724.354	27.724.354	27.724.354			
10	Công bố quy hoạch điều chỉnh		9.037.733	9.037.733	9.037.733			

TT	NỘI DUNG CHI PHÍ	DIỄN GIẢI	GIÁ TRỊ TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐÃ DUYỆT (THEO QĐ 9195/QĐ-DKVN)	GIÁ TRỊ THEO DỰ TOÁN ĐÃ DUYỆT	CHI PHÍ THỰC HIỆN (cập nhật theo hợp đồng/QĐ phê duyệt đến ngày 30/6/2017)	CHÈNH LỆCH TĂNG (+) GIẢM (-) SO VỚI TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	CHÈNH LỆCH TĂNG (+) GIẢM (-) SO VỚI DỰ TOÁN ĐÃ DUYỆT	GHI CHÚ
			a	b	c	d=c-a	e=c-b	
11	Thẩm định giá chi phí lập QH điều		2.230.243	2.230.243	2.230.243			thi công hoàn thành trong năm 2017)
12	Chi phí chỉnh sửa DA theo QH điều chỉnh		242.256.111	242.256.111	242.256.111			
13	Thẩm tra tính hiệu quả và khả thi của DA		38.177.539	38.177.539	38.177.539			
	<b>Phần công việc thực hiện bước thực hiện đầu tư</b>							
a	Khảo sát địa chất Thiết kế BVTC	(theo các Hợp đồng đã ký và Quyết định số số 244/QĐ-BQL ngày 02/8/2016 của DEZA	253.113.140	253.113.140	135.791.319			
b	Khảo sát địa hình Thiết kế BVTC		409.861.647	409.861.647	168.814.466			
c	Giám sát khảo sát thiết kế BVTC		28.019.828	28.019.828	28.019.828			
d	Thiết kế BVTC & dự toán		3.497.331.000	1.497.647.498	1.497.544.986			
e	Giám sát thi công xây dựng		1.302.974.100	1.645.352.000	1.635.156.000			
f	Thẩm tra thiết kế BVTC		158.059.705	93.776.680	85.174.527			
g	Thẩm tra dự toán và tổng dự toán		152.594.622	91.199.948	82.918.923			
h	Chi phí lập dự toán trang thiết bị	(tách từ chi phí mua sắm trang thiết bị 4,5 tỷ trong TMDT)	0	14.720.090	14.720.090			
i	Chi phí thẩm định giá		0	27.800.000	27.800.000			
m	Chi phí lập hồ sơ mời thầu		50.000.000	50.000.000	50.000.000			
<b>F</b>	<b>CHI KHÁC</b>		<b>3.450.111.757</b>	<b>4.793.496.935</b>	<b>4.528.545.375</b>	<b>1.078.433.618</b>	<b>-264.951.560</b>	
II	Hạng mục Khu dân cư Tây Bắc Vạn Tường GD3	(theo các Hợp đồng đã ký và Quyết định số số 244/QĐ-BQL ngày 02/8/2016 của DEZA	3.450.111.757	4.793.496.935	4.528.545.375	1.078.433.618	-264.951.560	
1	Chi phí thẩm định thiết kế		0	32.085.100	32.085.100			
2	Chi phí thẩm định dự toán		0	30.903.083	30.903.083			
2	Góp ý kiến PCCC		18.532.000	18.532.000	18.532.000			
3	Thẩm duyệt PCCC (Thông tư số 150/2014/TT-BTC)		22.745.400	21.417.000	21.417.000			
4	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu		50.000.000	50.000.000	50.000.000			
5	Chi phí đánh giá hồ sơ dự thầu		50.000.000	50.000.000	50.000.000			

TT	NỘI DUNG CHI PHÍ	DIỄN GIẢI	GIÁ TRỊ TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐÃ DUYỆT (THEO QĐ 9195/QĐ-DKVN)	GIÁ TRỊ THEO DỰ TOÁN ĐÃ DUYỆT	CHI PHÍ THỰC HIỆN (cập nhật theo hợp đồng/QĐ phê duyệt đến ngày 30/6/2017)	CHÊNH LỆCH TĂNG (+) GIẢM (-) SO VỚI TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	CHÊNH LỆCH TĂNG (+) GIẢM (-) SO VỚI DỰ TOÁN ĐÃ DUYỆT	GHI CHÚ
			a	b	c	d=c-a	e=c-b	
6	Chi phí thẩm định kết quả LCNT		50.000.000	50.000.000	50.000.000			Đã thực hiện hoàn thành (trừ phần kiểm toán và thẩm tra phê duyệt quyết toán)
8	Bảo hiểm công trình	chưa thực hiện	450.113.182	425.506.549	425.506.549			
9	Kiểm toán công trình		331.270.000	855.546.576	855.546.576			
10	Thẩm tra phê duyệt quyết toán		74.377.500	256.432.952	256.432.952			
11	Rà phá bom mìn		1.166.603.000	1.166.603.000	1.119.852.000			
12	Cắm mốc phân lô tái định cư		150.000.000	150.000.000	236.000.000			
14	Di dời công trình HTKT (cấp điện...)		346.452.015	346.452.015	346.452.015			
15	Trích sao bản đồ địa chính + cắm mốc địa chính		173.391.000	173.391.000	173.391.000			
5	Chi phí lập bản cam kết bảo vệ môi trường		17.281.000	17.281.000	17.281.000			
16	Chi phí đánh giá tác động môi trường		271.390.560	271.390.560	267.190.000			
17	Chi phí thẩm định đề án bảo vệ môi trường		0	50.000.000	0			
18	Kiểm định chất lượng công trình	chưa thực hiện	0	500.000.000	500.000.000			
19	Chi phí kiểm tra và nghiệm thu công trình	chưa thực hiện	0	50.000.000	50.000.000			
20	Thẩm định các đơn giá		10.000.000	10.000.000	10.000.000			
21	Điều chỉnh quy hoạch phân lô		250.000.000	250.000.000	0			
	Phí thẩm định dự n (TT109/TT-BTC)		17.956.100	17.956.100	17.956.100			
<b>G</b>	<b>CHI PHÍ DỰ PHÒNG</b>		<b>23.255.706.771</b>	<b>11.915.671.888</b>	<b>11.915.671.888</b>	<b>-11.340.034.883</b>	<b>0</b>	
I	Hạng mục Khu dân cư Tây Bắc Vạn Tường GD3		23.255.706.771	11.915.671.888	11.915.671.888	-11.340.034.883	0	
	Dự phòng cho yếu tố khối lượng công việc phát sinh	5% * (xd+tb+da+tv+ck)	14.492.734.980	6.855.967.715	6.855.967.715			
	Dự phòng các yếu tố trượt giá	3,69% * (xd+tb+da+tv+ck)	8.762.971.791	5.059.704.173	5.059.704.173			
	<b>TỔNG CỘNG (làm tròn)</b>	<b>ĐB + GXD + QLDA + TV + CK + DP</b>	<b>212.108.893.152</b>	<b>199.537.828.548</b>	<b>195.290.345.982</b>	<b>-16.818.547.170</b>	<b>-4.247.482.566</b>	



## BẢNG TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

### HẠNG MỤC: NGHĨA ĐỊA BÌNH TRỊ GIAI ĐOẠN 2

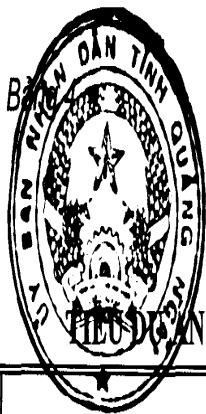
AN: BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ PHỤC VỤ DỰ ÁN NÂNG CẤP MỞ RỘNG NMLD DUNG QUẤT

TT	NỘI DUNG CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐÃ DUYỆT (THEO QĐ 9195/QĐ-DKVN)	GIÁ TRỊ THEO DỰ TOÁN ĐÃ DUYỆT	CHI PHÍ THỰC HIỆN (cập nhật theo hợp đồng/QĐ phê duyệt đến ngày 30/6/2017)	CHÊNH LỆCH TĂNG (+) GIẢM (-) SO VỚI TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	CHÊNH LỆCH TĂNG (+) GIẢM (-) SO VỚI DỰ TOÁN ĐÃ DUYỆT	GHI CHÚ
<b>A</b>	<b>CHI PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GPMB</b>		<b>4.853.659.195</b>	<b>4.875.732.080</b>	<b>4.875.732.080</b>	<b>22.072.885</b>	<b>0</b>	
I	Chi phí bồi thường, hỗ trợ, GPMB Nghĩa địa Bình Trị mở rộng GĐ2	QĐ số 3111 ngày 07/12/15 của UBND huyện Bình Sơn	4.853.659.195	4.875.732.080	4.875.732.080	22.072.885		
a	Bồi thường hỗ trợ trực tiếp		4.487.895.696		4.508.305.206			
b	Chi phí phục vụ bồi thường thẩm định		134.636.871		135.249.156			
c	Chi phí dự phòng		231.126.628		232.177.718			
<b>B</b>	<b>CHI PHÍ XÂY DỰNG</b>	Xd2	<b>6.487.462.154</b>	<b>6.999.491.000</b>	<b>6.993.353.000</b>	<b>505.890.846</b>	<b>-6.138.000</b>	
I	Nghĩa địa Bình Trị mở rộng giai đoạn 2	(theo Hợp đồng đã ký và Quyết định số 285/QĐ-BQL ngày 16/9/2016 của Trưởng BQL KKT Dung Quất)	6.487.462.154	6.999.491.000	6.993.353.000	505.890.846	-6.138.000	
1	Nền mặt đường, gia cố mái taluy, cống tròn 2D1500 và mương B400		1.678.030.914					
2	San nền		990.404.598					
3	Kè chắn		1.571.334.093					
4	Chòi nghỉ chân (SL: 2)		105.746.047					
5	Hệ thống thoát nước		936.973.503					
6	Tạm tính khối lượng phát sinh đá		1.204.973.000					
<b>C</b>	<b>CHI PHÍ TRANG THIẾT BỊ</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	

TT	NỘI DUNG CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐÃ DUYỆT (THEO QĐ 9195/QĐ-DKVN)	GIÁ TRỊ THEO DỰ TOÁN ĐÃ DUYỆT	CHI PHÍ THỰC HIỆN (cập nhật theo hợp đồng/QĐ phê duyệt đến ngày 30/6/2017)	CHÊNH LỆCH TĂNG (+) GIẢM (-) SO VỚI TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	CHÊNH LỆCH TĂNG (+) GIẢM (-) SO VỚI DỰ TOÁN ĐÃ DUYỆT	GHI CHÚ
D	<b>CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN</b>	(theo Quyết định số 229/QĐ-BQL ngày 21/7/2016 của Trưởng BQL KKT Dung Quất)	137.858.571	138.388.281	138.388.281	529.710	0	
1	Nghĩa địa Bình Trị mở rộng giai đoạn 2		137.858.571	138.388.281	138.388.281	529.710	0	
E	<b>CHI PHÍ TƯ VẤN</b>	TV1 + TV2 + TV3	427.253.970	370.260.025	361.361.409	-65.892.560	-8.898.616	
I	Nghĩa địa Bình Trị mở rộng giai đoạn 2	(theo Quyết định số 229/QĐ-BQL ngày 21/7/2016 của Trưởng BQL KKT Dung Quất)	427.253.970	370.260.025	361.361.409	-65.892.560	-8.898.616	
1	Khảo sát địa chất		28.832.848	18.350.728	18.350.728			
2	Khảo sát địa hình		46.087.052	33.475.744	33.475.744			
3	Chi phí thiết kế BVTC + dự toán		190.082.641	136.308.000	136.308.000			
4	Chi phí thẩm tra BVTC		8.174.202	9.911.512	9.010.465			
5	Chi phí thẩm tra dự toán + tổng dự toán		7.914.704	9.620.262	8.745.693			
6	Giám sát thi công xây dựng		133.187.598	149.569.000	142.446.000			
7	Chi phí lập HSMT		6.487.462	6.512.390	6.512.390			
8	Chi phí đánh giá HSDT		6.487.462	6.512.390	6.512.390			
F	<b>CHI KHÁC</b>		435.039.870	461.544.445	456.417.892	21.378.022	-5.126.553	
I	Nghĩa địa Bình Trị mở rộng giai đoạn 2	(theo Quyết định số 229/QĐ-BQL ngày 21/7/2016 của Trưởng BQL KKT Dung Quất)	435.039.870	461.544.445	456.417.892	21.378.022	-5.126.553	
1	Chi phí rà phá bom mìn		193.279.000	201.723.241	193.279.289			
2	Trích đo bản đồ địa chính + cắm mốc địa chính		29.986.000	59.972.000	59.972.000			
3	Chi phí thẩm định thiết kế		1.232.618	4.173.850	8.223.372			
5	Bảo hiểm công trình		14.596.790	15.385.000	14.652.877			
7	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu + thẩm định ko lựa chọn nhà thầu		6.487.462	5.920.354	5.920.354			

TT	NỘI DUNG CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐÃ DUYỆT (THEO QĐ 9195/QĐ-DKVN)	GIÁ TRỊ THEO DỰ TOÁN ĐÃ DUYỆT	CHI PHÍ THỰC HIỆN (cập nhật theo hợp đồng/QĐ phê duyệt đến ngày 30/6/2017)	CHÊNH LỆCH TĂNG (+) GIẢM (-) SO VỚI TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	CHÊNH LỆCH TĂNG (+) GIẢM (-) SO VỚI DỰ TOÁN ĐÃ DUYỆT	GHI CHÚ
9	Chi phí kiểm toán công trình.	$.542.771.000 * 0,303% * 70$	78.910.000	83.160.000	83.160.000			
10	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán.	$3.542.771.000 * 0,21% * 50%$	46.800.000	69.160.000	69.160.000			
	Phí tài nguyên		41.698.000	0	0			
12	Lập báo cáo cam kết bảo vệ môi trường		22.050.000	22.050.000	22.050.000			
<b>G</b>	<b>CHI PHÍ DỰ PHÒNG</b>		<b>1.201.496.950</b>	<b>655.011.641</b>	<b>655.011.641</b>	<b>-546.485.309</b>	<b>0</b>	
<b>II</b>	<b>Nghĩa địa Bình Trị mở rộng giai đoạn</b>	(TMĐT-BT-XD-QLDA-TV-CK)	<b>1.201.496.950</b>	<b>655.011.641</b>	<b>655.011.641</b>	<b>-546.485.309</b>	<b>0</b>	
	Dự phòng cho yếu tố khối lượng công việc phát sinh	$5% * (xd2+da2+tv2+ck2)$	748.761.456	385.300.965	385.300.965			
	Dự phòng các yếu tố trượt giá	$3,5% *$	452.735.493	269.710.676	269.710.676			
	<b>TỔNG CỘNG (làm tròn)</b>	<b>ĐB + GXD + QLDA + TV + CK + DP</b>	<b>13.542.771.000</b>	<b>13.500.427.000</b>	<b>13.480.264.000</b>	<b>-62.507.000</b>	<b>-20.163.000</b>	





## BẢNG TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

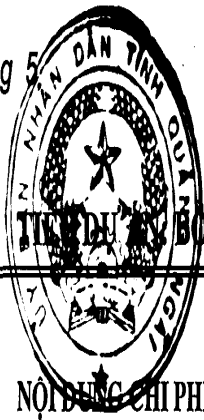
### HẠNG MỤC: BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ (108,2 HA)

#### TIÊU ĐỀ: BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ PHỤC VỤ DỰ ÁN NÂNG CẤP MỞ RỘNG NMLD DUNG QUẤT

TT	NỘI DUNG CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐÃ DUYỆT (THEO QĐ 9195/QĐ-DKVN)	GIÁ TRỊ THEO DỰ TOÁN ĐÃ DUYỆT	CHI PHÍ THỰC HIỆN (cập nhật theo hợp đồng/QĐ phê duyệt đến ngày 30/6/2017)	CHÊNH LỆCH TĂNG (+) GIẢM (-) SO VỚI TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	CHÊNH LỆCH TĂNG (+) GIẢM (-) SO VỚI DỰ TOÁN ĐÃ DUYỆT	GHI CHÚ
1	Vị trí 1		95.027.018	485.998.922	426.299.397	331.272.379	-59.699.525	
a	Bồi thường hỗ trợ trực tiếp	Các QĐ số 1269 ngày 30/6/15, số 911 ngày 17/5/2016 của UBND huyện Bình Sơn	85.597.160	391.058.090	391.058.090			
b	Chi phí phục vụ bồi thường thẩm định		5.000.000	14.163.828	14.163.828			
c	Chi phí dự phòng		4.429.858	21.077.479	21.077.479			
2	Vị trí 2		6.583.078.727	6.872.300.989	6.582.962.504	-116.223	-289.338.485	
a	Bồi thường hỗ trợ trực tiếp	Các QĐ số 2982 ngày 27/11/15, số 392 ngày 16/3/16, số 1305 ngày 21/6/16 của UBND huyện Bình Sơn	6.086.996.650	6.107.930.650	6.107.930.650			
b	Chi phí phục vụ bồi thường thẩm định		182.606.900	182.606.449	182.606.449			
c	Chi phí dự phòng		313.475.177	292.425.405	292.425.405			
3	Vị trí 3		254.834.903.249	214.112.184.524	206.416.037.120	-48.418.866.129	-7.696.147.404	
a	Bồi thường hỗ trợ trực tiếp	Các QĐ số 2959 ngày 26/11/15, số 245 ngày 03/2/16, số 406 ngày 17/3/16, số 913 ngày 17/5/2016, số 1340 ngày 27/6/2016, số 1068 ngày 31/5/2016, số 2809 ngày 24/11/2016 của UBND huyện Bình Sơn	235.630.978.463	187.582.034.675	187.582.034.675			
b	Chi phí phục vụ bồi thường thẩm định		7.068.929.369	7.080.027.580	7.080.027.580			
c	Chi phí dự phòng		12.134.995.417	11.753.974.865	11.753.974.865			
4	Vị trí 4		109.886.412.763	94.391.233.125	94.196.538.405	-15.689.874.358	-194.694.720	
a	Bồi thường hỗ trợ trực tiếp	Các QĐ số 3241 ngày 24/12/15, số 3465 ngày 31/12/15, số 407 ngày 17/3/16, số 582 ngày 2/4/16, 391 ngày	97.672.784.535	83.973.940.458	83.973.940.458			
b	Chi phí phục vụ bồi thường thẩm định		2.930.183.537	2.922.379.818	2.922.379.818			
c	Chi phí phát dọn mặt bằng		4.253.296.287	3.253.039.000	3.253.039.000			

TT	NỘI DUNG CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐÃ DUYỆT (THEO QĐ 9195/QĐ- DKVN)	GIÁ TRỊ THEO DỰ TOÁN ĐÃ DUYỆT	CHI PHÍ THỰC HIỆN (cập nhật theo hợp đồng/QĐ phê duyệt đến ngày 30/6/2017)	CHÊNH LỆCH TĂNG (+) GIẢM (-) ) SO VỚI TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	CHÊNH LỆCH TĂNG (+) GIẢM (-) ) SO VỚI DỰ TOÁN ĐÃ DUYỆT	GHI CHÚ
d	Chi phí dự phòng	16/3/16, số 912 ngày 17/5/2016, số 1641 ngày 26/7/2016, số 1901 ngày 01/9/2016, số 2697 ngày 03/11/2016 của UBND huyện Bình Sơn	5.030.148.404	4.047.179.129	4.047.179.129			
5	Chi phí xây dựng hoàn trả tại chỗ khu vực 108,2 ha (đã bổ sung theo QĐ phê duyệt phương án bồi thường tại vị trí 1, vị trí 3, 4 làm rõ trong phần chi phí hỗ trợ đã có trong QĐ phê duyệt phương án bồi thường)	CP BT+XD+TV+QLDA+TB+CK +DP	42.107.949.740	41.336.651.869	41.201.992.869	-905.956.871	-134.659.000	
	Đường dân sinh vị trí 1	(xem bảng chi tiết)	119.083.764					
	Đường dân sinh và phát dọn mặt bằng vị trí 4		13.020.785.781					
	Đường, lưới điện, kênh mương, nhà văn hóa, trường mầm non, trường tiểu học, chợ tạm, cổng chào		28.968.080.195					
	Cổng chào							
	Trường Mầm non xã Bình Trị							
	Chợ tạm xã Bình Trị							
	Trường tiểu học xã Bình Trị							
	Nhà văn hóa thôn Phước Hòa			21.612.871.000	21.515.720.000			
	Đường dân sinh vị trí 3							
	Đường dân sinh vị trí 1							
	Đường dân sinh vị trí 4							
	Kênh và các công trình trên kênh			6.397.266.000	6.369.200.000			
	Di dời tuyến điện			3.059.442.000	3.050.000.000			

TT	NỘI DUNG CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐÃ DUYỆT (THEO QĐ 9195/QĐ- DKVN)	GIÁ TRỊ THEO DỰ TOÁN ĐÃ DUYỆT	CHI PHÍ THỰC HIỆN (cập nhật theo hợp đồng/QĐ phê duyệt đến ngày 30/6/2017)	CHÊNH LỆCH TĂNG (+) GIẢM (-) SO VỚI TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	CHÊNH LỆCH TĂNG (+) GIẢM (-) SO VỚI DỰ TOÁN ĐÃ DUYỆT	GHI CHÚ
	Bồi thường hỗ trợ các hạng mục hoàn trả			3.801.206.869	3.801.206.869			
	Chi phí tư vấn các hạng mục hoàn trả			2.101.343.000	2.101.343.000			
	Chi phí trang thiết bị			448.874.000	448.874.000			
	Chi khác các hạng mục hoàn trả			2.859.484.000	2.859.484.000			
	Chi phí quản lý DA các hạng mục hoàn trả			376.792.000	376.792.000			
	Chi phí dự phòng			679.373.000	679.373.000			
II	Chi phí bồi thường, hỗ trợ, GPMB Khu dân cư Tây Bắc Vạn Tường GD3		43.925.836.578	43.637.166.599	43.637.166.599	-288.669.979	0	Đb3
a	Bồi thường hỗ trợ trực tiếp	Các QĐ số 2209 ngày 14/8/15,	40.638.546.689	40.317.176.148	40.317.176.148			
b	Chi phí phục vụ bồi thường thẩm định	số 2814 ngày 30/10/15, số 299 ngày 26/2/16 của UBND	1.210.045.358	1.222.082.374	1.222.082.374			
c	Chi phí dự phòng	huyện Bình Sơn	2.077.244.531	2.097.908.077	2.097.908.077			
III	Chi phí bồi thường, hỗ trợ, GPMB Nghĩa địa Bình Trị mở rộng GD2		4.853.659.195	4.875.732.080	4.875.732.080	22.072.885	0	Đb4
a	Bồi thường hỗ trợ trực tiếp	QĐ số 3111 ngày 07/12/15 của UBND huyện Bình Sơn	4.487.895.696	4.508.305.206	4.508.305.206			
b	Chi phí phục vụ bồi thường thẩm định		134.636.871	135.249.156	135.249.156			
c	Chi phí dự phòng		231.126.628	232.177.718	232.177.718			
IV	Chi phí tính trùng lặp trong chi phí đền bù, bồi thường, giải phóng mặt bằng		-260.170.883		0			
VI	Chi phí đào tạo hỗ trợ dân di dời		2.639.000.000	2.639.000.000	2.639.000.000	0	0	
VII	Tổng chi phí đền bù, bồi thường+xây mới tại 4 vị trí 108 ha +đào tạo hỗ trợ dân di dời		373.897.334.638	359.837.369.429	351.462.830.295	-22.434.504.343	-8.374.539.134	
VIII	Tổng chi phí đền bù, bồi thường+xây mới tại 4 vị trí 108 ha +đào tạo hỗ trợ dân di dời+Nghĩa địa+Khu tái định cư TB-VT		422.676.830.411	408.350.268.108	399.975.728.974	-22.701.101.437	-8.374.539.134	

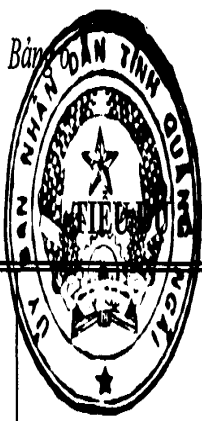


## BẢNG BỔ SUNG CHI PHÍ CÁC HẠNG MỤC BỔ SUNG

TIỂU DỰ ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ PHỤC VỤ DỰ ÁN NÂNG CẤP MỞ RỘNG NMLD DUNG QUẤT

TT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Nguyên nhân bổ sung	Phương án lựa chọn		Khái toán kinh phí bổ sung theo Phương án chọn	Ghi chú
			Phương án 1 (Phương án chọn)	Phương án 2		
I	Kéo dài Tuyến đường dân sinh vị trí 3 khoảng 100m	Kéo dài thêm Tuyến đường dân sinh vị trí 3 khoảng 100m so với thiết kế cơ sở đã duyệt, nhằm đáp ứng nhu cầu phục vụ giao thông được thông suốt (trường hợp thực hiện theo thiết kế ban đầu đã duyệt và kết hợp với tận dụng đường dân sinh hiện hữu thì mặt đường dân sinh hiện hữu không đủ độ rộng tối thiểu để phục vụ giao thông, nếu mở rộng mặt đường dân sinh hiện hữu để đáp ứng nhu cầu về giao thông thì phải thực hiện tái định cư cho 10 hộ dân - rất tốn kém)			500.000.000	Đã triển khai thi công đến điểm đấu nối với đường dân sinh hiện hữu
1	Chi phí bồi thường, hỗ trợ, GPMB				0	
2	Chi phí xây dựng		Không thực hiện theo TK đã duyệt, kéo dài thêm khoảng 100 m đấu nối với đường BTXM hiện hữu với kinh phí xây dựng tăng thêm khoảng 0,5 tỷ đồng	Thực hiện theo TK đã duyệt thì phải mở rộng mặt đường dân sinh hiện hữu, phải di dời khoảng 10 hộ dân tổn kinh phí khoảng 5,0 tỷ đồng	500.000.000	
3	Chi phí khác				0	
II	Tuyến đường dân sinh vị trí 4 thuộc các hạng mục di dời hoàn trả hạ tầng	Phục vụ cho khoảng 60 hộ dân trong vùng do việc mở rộng NMLD Dung Quất tại vị trí 4 đã lấn chiếm đường dân sinh hiện hữu phục vụ giao thông đi lại cho 60 hộ dân này và các phương tiện giao thông khác	Bổ sung Tuyến đường dân sinh nằm ngoài, hướng tuyến song song và giáp ranh giới hành lang an toàn nhà máy lọc dầu. Chiều dài tuyến khoảng 280m. Đảm bảo an toàn cho NMLD	Bổ sung Tuyến đường dân sinh nằm trong, hướng tuyến song song và giáp ranh giới hành lang an toàn nhà máy lọc dầu. Chiều dài tuyến khoảng 270m. Ảnh hưởng an toàn của NMLD	2.700.000.000	Chưa thực hiện
1	Chi phí bồi thường, hỗ trợ, GPMB				600.000.000	
2	Chi phí xây dựng				1.900.000.000	
3	Chi phí khác				200.000.000	

TT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Nguyên nhân bổ sung	Phương án lựa chọn		Khái toán kinh phí bổ sung theo Phương án chọn	Ghi chú
			Phương án 1 (Phương án chọn)	Phương án 2		
III	<b>Mương thoát nước dọc kết hợp kè mái taluy Khu dân cư Tây Bắc Vạn Tường giai đoạn 3 diện tích 19,35 ha</b>	Trong quá trình lập Tiểu dự án, đã thiếu sót chưa cập nhật diện tích và quy mô hạng mục Mương thoát nước dọc này cũng như diện tích phải bồi thường - GPMB vào công trình Khu dân cư Tây Bắc Vạn Tường GD3. Nếu thực hiện theo thiết kế BVTC đã duyệt thì phải bồi thường bổ sung khoảng 5 ha và bồi thường cho 11 ngôi nhà với tổng kinh phí khoảng <b>15 tỷ đồng</b>	Mương thoát nước dọc áp sát chân taluy kết hợp gia cố mái taluy của Khu dân cư để tránh sạt lở và thoát nước mưa, nước thải cho khu dân cư (diện tích bồi thường bổ sung khoảng 1,4 ha kể cả phần diện tích mái taluy) với <b>tổng kinh phí khoảng 8,2 tỷ</b>	Bổ sung tường chắn đất bằng BTCT kết hợp với Mương thoát nước dọc kín thu gom nước mưa và nước thải khu dân cư để thoát về suối tự nhiên nằm sát với ranh giới 19,35 ha của Khu dân cư (không bổ sung thêm diện tích khu dân cư, giữ nguyên diện tích 19,35 ha) với <b>tổng kinh phí khoảng 25 tỷ đồng</b>	<b>8.200.000.000</b>	Chưa thực hiện
	1 Chi phí bồi thường, hỗ trợ, GPMB		2.100.000.000			
	2 Chi phí xây dựng		5.600.000.000			
	3 Chi phí khác		500.000.000			
IV	<b>Mương thoát lũ song song và nằm ngoài vị trí san nền vị trí số 4 nâng cấp mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất</b>	Khu san lấp nền vị trí số 4 nằm ở phía Nam tiếp giáp với Nhà máy lọc dầu hiện hữu, có địa hình tự nhiên tạo thành đường tự thủy có dòng chảy theo hướng từ khu dân cư Giếng Hố vào vùng này và chuyển về xiphong Kênh B7. Khi lấp san nền thì sẽ cản trở dòng chảy tự nhiên, từ đó sẽ gây úng ngập ảnh hưởng đến diện tích đất sản xuất nông nghiệp và khu dân cư Giếng Hố	Mương thoát lũ áp sát và nằm ngoài đường dân sinh số 4, Nằm ngoài hành lang an toàn của NMLD DQ với <b>tổng kinh phí khoảng 8,4 tỷ đồng</b>	Mương thoát lũ nằm trong hành lang an toàn của Nhà máy lọc dầu Dung Quất (nằm trong đường giao thông số 4) với <b>tổng kinh phí khoảng 5,4 tỷ đồng</b> . Ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của Nhà máy lọc dầu Dung Quất	<b>8.400.000.000</b>	Chưa thực hiện
	1 Chi phí bồi thường, hỗ trợ, GPMB		1.100.000.000			
	2 Chi phí xây dựng		6.700.000.000			
	3 Chi phí khác		600.000.000			
	<b>Tổng kinh phí bổ sung</b>				<b>19.800.000.000</b>	



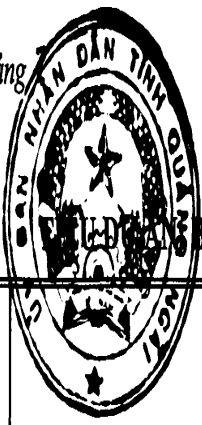
## BẢNG TIẾN ĐỘ CÁC HẠNG MỤC THÀNH PHẦN

TIẾN ĐỘ: BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ PHỤC VỤ DỰ ÁN NÂNG CẤP MỞ RỘNG NMLD DUNG QUÁT

STT	Tên hạng mục	Tiến độ đã duyệt tại QĐ 9195/QĐ-DKVN ngày 30/12/2015 của PVN	Tiến độ theo hợp đồng đã ký kết	Tiến độ điều chỉnh tại Công văn số 816/BQL-KHTH ngày 02/6/2017 và Công văn số 545/BQL-KHTH ngày 14/4/2017 của DEZA và chỉ đạo của UBND tỉnh Quảng Ngãi	Tiến độ thực hiện đến 30/6/2017	Dự kiến tiến độ hoàn thành của các hạng mục bổ sung (trường hợp PVN thống nhất chủ trương bổ sung trong tháng 7/2017)
I	Các hạng mục thành phần đã được PVN phê duyệt tại QĐ 9195/QĐ-DKVN ngày 30/12/2015					
1	Hạng mục Bồi thường, hỗ trợ GPMB (108,2 ha)	Tháng 3/2016	Đến 30/4/2017	Đến 30/6/2017		
	Mặt bằng 108,2 ha				Diện tích đã bồi thường: 107,4/108,2 ha Hoàn thành công tác di dời mồ mã Vị trí 1 và 2 đã hoàn thành Vị trí 3: đã phá dỡ 75/146 nhà Vị trí 4: đã phá dỡ 420/492 nhà	
	Mặt bằng 10 hạng mục di dời				Tiếp tục giải quyết các trường hợp còn vướng mắc gồm: 04 trường hợp yêu cầu thu hồi đất ngoài quy hoạch; 01 trường hợp tranh chấp; bồi thường bổ sung tuyến đường dân sinh vị trí 3	

2	Hạng mục Khu dân cư Tây Bắc Vạn	Tháng 10/2016	Từ 24/10/2016 đến 24/4/2017	Đến 30/6/2017	Khối lượng đạt khoảng 95% so với hợp đồng đã ký kết, đã đủ điều kiện bàn giao mặt bằng cho người dân xây dựng nhà ở; chưa thi công hoàn chỉnh tuyến đường số 3 do chưa xây dựng được hệ thống mương thoát nước và taluy nền đường	
3	Hạng mục Nghĩa địa Bình Trị mở rộng GĐ2	Tháng 10/2016	Từ 24/10/2016 đến 24/01/2017	Đến 30/4/2017	Cơ bản hoàn thành; đã bàn giao mặt bằng người dân di dời mồ mả	
<b>II Các hạng mục bổ sung đang trình PVN thống nhất chủ trương bổ sung</b>						
1	Kéo dài Tuyến đường dân sinh vị trí 3 khoảng 100m					Dự kiến hoàn thành trong tháng 7/2017
2	Tuyến đường dân sinh vị trí 4 thuộc các hạng mục di dời hoàn trả hạ tầng					Dự kiến hoàn thành trong Quý III/2017
3	Mương thoát nước dọc kết hợp kê mái taluy Khu dân cư Tây Bắc Vạn Tường giai đoạn 3 diện tích 19,35 ha					Dự kiến hoàn thành trong Quý III/2017
4	Mương thoát lũ song song và nằm ngoài vị trí san nền vị trí số 4 nâng cấp mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất					Dự kiến hoàn thành trong Quý IV/2017

Bảng



## BẢNG SO SÁNH TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

### BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ PHỤC VỤ DỰ ÁN NÂNG CẤP MỞ RỘNG NMLD DUNG QUÁT

STT	Tên Hạng mục	Cách tính	Tổng mức đầu tư		Chênh lệch (+: tăng; -: giảm)
			Tổng mức đầu tư đã duyet theo QĐ 9195/QĐ-DKVN ngày 30/12/2015	CHI PHÍ THỰC HIỆN (cập nhật theo hợp đồng/QĐ phê duyệt đến ngày 30/6/2017)	
1	Hạng mục Bồi thường, hỗ trợ GPMB (108,2 ha)	xem bảng tính chi tiết (Bảng 4)	373.897.337.000	351.462.830.295	-22.434.506.705
2	Hạng mục Khu dân cư Tây Bắc Vạn Tường GD3	xem bảng tính chi tiết (Bảng 2)	212.108.893.152	195.290.345.982	-16.818.547.170
3	Hạng mục Nghĩa địa Bình Trị mở rộng GD2	xem bảng tính chi tiết (Bảng 3)	13.542.771.000	13.480.264.000	-62.507.000
4	Hạng mục chung: (Lập, Thẩm tra Tiểu dự án, Trích sao, chỉnh lý bản đồ địa chính, cắm mốc GPMB 108 ha, thẩm định Tiểu dự án)	xem bảng tính chi tiết (Bảng 1)	1.728.939.190	1.728.939.190	0
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>601.277.940.000</b>	<b>561.962.379.467</b>	<b>-39.315.560.875</b>